

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **I. Giới thiệu về gói thầu**

1. Phạm vi công việc của gói thầu: **Thi công Sửa chữa lưới điện trung, hạ thế khu vực Gò Công Đông và Mỹ Tho (năm 2026 bổ sung):**

**Quy mô gói thầu**

**Công trình 1: Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực Gò Công Đông (năm 2026 bổ sung):**

- + Thay mới 36 vị trí trụ đơn và 2 vị trí trụ đôi BTLT 12m cùng chiều cao.
- + Thay mới 02 vị trí trụ đơn và 2 vị trí trụ đôi BTLT 8,5m cùng chiều cao.
- + Thay mới 205 LA, 232 FCO, 67 LBFCO
- + Sơn số trụ: 1190 trụ và sơn lại biển báo, số trụ bị mờ,...
- + Thay 379 hộp 2 composite, 132 hộp 4 composite

**Công trình 2: Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực Mỹ Tho(năm 2026 bổ sung):**

- Thay thế dây dẫn hạ thế hiện hữu vận hành lâu năm, bị xuống cấp, dây có nhiều mối nối và các vật tư thiết bị, phụ kiện bao gồm:

- + Thay 109,5 mét cáp nhôm 4xAV50 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 403,5 mét cáp nhôm 4xAV70 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 1.072,7 mét cáp nhôm 4xAV95 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 1.406,4 mét cáp nhôm 4xAV120 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 45,5 mét cáp nhôm ABC4x50 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 56 mét cáp đồng 4xC25 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 1.242,2 mét cáp nhôm 3xAV50+1xAC50 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 1.563,8 mét cáp nhôm 3xAV70+1xAC70 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 258,6 mét cáp nhôm 3xAV95+1xAC95 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 4.315,5 mét cáp nhôm 3xAV70 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 5.430,2 mét cáp nhôm 3xAV95 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
  - + Thay 855,3 mét cáp nhôm 3xAV120 mm<sup>2</sup> bằng dây mới cùng tiết diện.
- Thay các trụ BTLT 7,5m; 8,5m bằng trụ mới (cùng kích thước) bị xuống cấp, nứt không đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.
- Thay các bộ Rack, bộ đỡ dây và phụ kiện đường dây hạ thế bị rỉ sét, .... không đảm bảo an toàn vận hành.
- Thay thế cách điện hạ thế bị rạn nứt, bể.
  - Thay thế các thùng lắp điện kế hư hỏng, thay cáp Muller(CVV) trước điện kế xuống cấp, không đảm bảo an toàn.

- Sơn lại biển số trụ bị mờ.
- Thay thế các bộ tiếp đất lắp lại hiện hữu bị xuống cấp không đảm bảo trong quá trình vận hành.

Thời hạn hoàn thành: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thi công xây lắp hoàn tất công trình là 80 ngày kể từ ngày khởi công (đã bao gồm ngày nghỉ, lễ theo quy định).

**Nội dung và khối lượng công việc cụ thể được nêu trong BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải lưu ý các vấn đề sau:**

– Chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí vật tư, nhân công, máy thi công và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí theo quy định và chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

– Đối với các nội dung công việc mời thầu có nêu phần vật liệu, thiết bị A cấp: Nhà thầu (bên B) không đưa giá vật liệu thiết bị này vào đơn giá dự thầu mà chỉ tính chi phí lắp đặt và vận chuyển từ kho Công ty Điện lực Đồng Tháp đến vị trí thi công.

– Đối với các vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp phải đảm bảo theo yêu cầu tại Quyết định 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 (đính kèm các file đặc tính kỹ thuật của từng vật tư, thiết bị nêu trong bảng mẫu số 01B bảng kê hạng mục công việc).

– Công tác đào đắp đất, phát quang hành lang tuyến: Nhà thầu đi khảo sát hiện trường và tự tính toán để chào thầu cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện trường thi công (tức là Nhà thầu chào trọn gói cho công tác này).

– Công tác đổ bê tông: phân ván khuôn đổ bê tông Nhà thầu tính toán và chào giá chung vào giá chào của công tác bê tông.

– Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động, chi phí di chuyển bộ máy thi công và đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công, chi phí mua bảo hiểm đối với phần trách nhiệm của nhà thầu, chi phí thông báo đóng cắt điện phục vụ thi công, Nhà thầu tự tính toán và cộng thêm vào giá chào thầu của các hạng mục xây lắp.

– Đối với các nội dung công việc tháo lắp lại: Nhà thầu tính chi phí tháo lắp lại. Riêng các nội dung công việc có bổ sung vật liệu phục vụ lắp lại, Nhà thầu phải bổ sung phần chi phí mua sắm vật liệu bổ sung này vào đơn giá dự thầu.

– Đối với các nội dung công việc tháo thu hồi:

+ Nhà thầu tính toán chi phí tháo và vận chuyển để bàn giao tại kho Công ty Điện lực Tiền Giang.

+ Công tác xác định khối lượng dây dẫn thu hồi áp dụng theo quy định tại văn bản số 4025/EVN SPC-ĐT ngày 20/5/2019 và văn bản số 4657/EVN SPC-

ĐT ngày 10/6/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

## II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Do phải đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện theo quy định của Tổng Công ty Điện lực miền Nam nên việc cắt điện thi công công trình là rất hạn chế. Vì vậy, các phần việc thi công liên quan đến công tác cắt điện, Nhà thầu phải tập trung tối đa vật tư thiết bị, phương tiện và nhân lực để thi công hoàn tất các hạng mục khối lượng trong ngày cắt điện, đảm bảo trả lại vận hành bình thường cho lưới điện hiện hữu đúng thời gian theo kế hoạch đăng ký.

– Nhà thầu phải tiến hành thi công trước những phần công việc không liên quan đến cắt điện.

– Thời gian và số lần tối đa được phép cắt điện để thi công hoàn thành công trình sẽ thống nhất và nêu cụ thể trong thương thảo hợp đồng.

– Nhà thầu phải có kế hoạch tổ chức thi công hợp lý để rút ngắn tiến độ đồng thời hạn chế tối đa số lần cắt điện để thi công.

– Hàng tuần, Nhà thầu phối hợp với Điện lực (có hạng mục thi công công trình) khảo sát hiện trường, thống nhất ngày cắt điện và gửi về Công ty Điện Lực Đồng Tháp (từ 07 giờ 00 sáng thứ hai đến trước 15 giờ 00 chiều thứ ba), để được bố trí lịch cắt điện cho tuần tiếp theo.

– Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra sự cố lưới điện và thiết bị hiện hữu trên lưới gây ra do lỗi trong quá trình thi công của nhà thầu.

– Công trình thi công trong khu vực dân cư đông đúc, Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp an toàn giao thông theo quy định. Trong quá trình thực hiện đào đất móng trụ, móng chằng (nếu có) đơn vị thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người qua lại trong khu vực thi công. Tổ chức san lấp trả lại mặt bằng ngay sau khi thi công hoàn thành. Nếu để qua đêm và kéo dài thời gian san lấp các vị trí hố móng trụ thì đơn vị thi công phải thiết lập hàng rào chắn, biển báo nhằm đảm bảo an toàn cho người dân xung quanh.

Ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình, nhà thầu lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
...			

**Số lần cắt điện thi công khu vực Gò Công Đông và Mỹ Tho:**

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
<b>I. GÒ CÔNG ĐÔNG</b>							
1	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Đội Xây	Cắt IA101- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 24 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
2	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Cầu Đình	Cắt IA101- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 31 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 06 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
3	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Xóm Rèn	Cắt A100- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 14 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
4	Thay thiết bị và đánh số trụ NR áp 5 Tân Tây	Cắt IA101- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 22 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
5	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Áp 8 Tân Phước	Cắt A100- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 10 vị trí trụ hiện hữu -Thay 01 LA, 02 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
6	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Giồng Dài	Cắt A100- 8, tuyến 477GC- Tân Phước	-Sơn 26 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
7	Thay thiết bị và đánh số trụ NR 47612-7 Giồng Dài	Cắt A100-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 12 vị trí trụ hiện hữu -Thay 02 LA, 02 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
8	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ông Nguyễn	Cắt A100-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 22 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
9	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 6 Gia Thuận 1	Cắt A100-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 14 vị trí trụ hiện hữu -Thay 02 LA, 02 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
10	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 6 Gia Thuận 2	Cắt A100-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 09 vị trí trụ hiện hữu -Thay 01 LA, 01 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
11	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp Tham	Cắt A33-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 18 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 05 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
12	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 9 Tân Phước	Cắt A33-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 25 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 06 FCO, 03 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA</b>	<b>Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính</b>	<b>Số lần cắt điện thi công</b>	<b>Thời gian cắt điện</b>	<b>Nhân lực thi công</b>	<b>Ghi chú</b>
13	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 2 Gia Thuận	Cắt A33-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 15 vị trí trụ hiện hữu -Thay 02 LA, 02 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
14	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 3 Gia Thuận	Cắt A33-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 16 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
15	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 6 Láng Chim Tân Phước	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 26 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
16	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Vàm Thấp Tân Phước ND	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 20 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 04 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
17	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 5 Tân Phước	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 27 vị trí trụ hiện hữu -Thay 06 LA, 08 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
18	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 5 Tân Phước ND	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 06 vị trí trụ hiện hữu -Thay 02 LA, 02 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
19	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Rạch Già	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 44 vị trí trụ hiện hữu -Thay 08 LA, 10 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	3	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
20	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 3 Rạch Già	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 12 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 03 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
21	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ấp 4 Tân Phước	Cắt A183-8, tuyến 477GC-Tân Phước	-Sơn 34 vị trí trụ hiện hữu -Thay 07 LA, 09 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
22	Thay hộp công tơ composite bê và trụ mọt gốc nguy cơ ngã gãy trước mùa mưa bão tuyến Tân Thành, Vàm Láng		-Thay 36 vị trí trụ đơn và 2 vị trí trụ đôi trung thế BTLT 12m -Thay 02 vị trí trụ đơn và 2 vị trí trụ đôi hạ thế 8,5m -Sử dụng 02 móng MĐ2x12, 36 móng M12ba cho trụ mới 12m và 02 móng MĐ2x8, 02 móng M8a cho trụ mới 8,5m -Thay 379 hộp 2 composite, 132 hộp 4 composite	2	8 giờ/lần	3	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Đê Long Ưông rẽ trái	Cắt A58-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	21	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Trại Cá	Cắt A25-8, tuyến 471GC-	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	5	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
		Tân Thành					
	22. Thay trụ cột gốc NR Dương Hòa	Cắt A58-8, tuyến 471GC- Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 05 vị trí	2	8 giờ/lần	16	
	22. Thay trụ cột gốc NR Dương Quới	Cắt A58-8, tuyến 471GC- Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	2	8 giờ/lần	16	
	22. Thay trụ cột gốc NR Chùa Đất Đỏ	Cắt IA30-8, tuyến 472GC- Vàm Láng	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	3	
	22. Thay trụ cột gốc tuyến Vàm Láng	Cắt A70-8, tuyến 472GC- Vàm Láng	- Thay trụ BTLT 12m: 02 vị trí	1	8 giờ/lần	4	
	22. Thay trụ cột gốc NR Rạch Xèo	Cắt A70-8, tuyến 472GC- Vàm Láng	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	2	
	22. Thay trụ cột gốc NR Thanh Nhưng	Cắt A58-8, tuyến 471GC- Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 04 vị trí	1	8 giờ/lần	8	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
	22. Thay trụ mọt gốc NR Xóm Bung	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	8	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Tân Xuân	Cắt A25-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 03 vị trí	1	8 giờ/lần	16	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Bến Chùa 1, 2	Cắt A25-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 04 vị trí	2	8 giờ/lần	27	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Bến Chùa 3	Cắt A25-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 03 vị trí	2	8 giờ/lần	10	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Tân Khánh	Cắt A58-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 01 vị trí	1	8 giờ/lần	5	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Kênh Ngang	Cắt A16-8, tuyến 471GC-Tân Thành	- Thay trụ BTLT 12m: 03 vị trí	1	8 giờ/lần	16	
	22. Thay trụ mọt gốc NR Bò Đê	Cắt A70-8, tuyến 472GC-Vàm Láng	- Thay trụ BTLT 8,5m: 02 vị trí	1	8 giờ/lần	2	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
23	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Hòa Bình	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 25 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
24	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Bình Nghi	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 62 vị trí trụ hiện hữu -Thay 11 LA, 12 FCO, 04 LBFCO (bộ 1 pha) và 02 LA, 02 FCO (bộ 3 pha)	2	8 giờ/lần	4	
25	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Nguyễn Minh Trí	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 29 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
26	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Xóm Bung	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 28 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
27	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Hiệp Trị	Cắt IA14-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 17 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 04 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
28	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Thanh Nhung	Cắt A58-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 93 vị trí trụ hiện hữu -Thay 14 LA, 15 FCO, 07 LBFCO	2	8 giờ/lần	5	
29	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Cầu Đê Bao	Cắt A58-8, tuyến 471GC-	-Sơn 56 vị trí trụ hiện hữu -Thay 07 LA, 09 FCO, 04 LBFCO	2	8 giờ/lần	3	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
		Tân Thành					
30	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Ruộng Cạn	Cắt A15-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 71 vị trí trụ hiện hữu -Thay 06 LA, 07 FCO, 04 LBFCO (bộ 1 pha) và 03 LA, 03 FCO (bộ 3 pha)	2	8 giờ/lần	4	
31	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Lò Gạch	Cắt A15-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 17 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 03 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	8	
32	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Kinh Giữa	Cắt A16-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 62 vị trí trụ hiện hữu -Thay 10 LA, 13 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	4	
33	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Miếu Cô Hồn	Cắt A16-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 8 vị trí trụ hiện hữu -Thay 01 LA, 01 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
34	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Giồng Lãnh	Cắt A15-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 22 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
35	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Xóm Chòi	Cắt A15-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 33 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
36	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Bà Lầy 2	Cắt A15-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 39 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 05 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
37	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Bà Lầy 1	Cắt A15-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 33 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 05 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
38	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Áp Hộ	Cắt A16-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 16 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
39	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Áp Láng	Cắt A16-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 44 vị trí trụ hiện hữu -Thay 05 LA, 06 FCO, 02 LBFCO	2	8 giờ/lần	2	
40	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Cầu Kênh Mới	Cắt A16-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 32 vị trí trụ hiện hữu -Thay 04 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	
41	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Kinh Ngang Dưới	Cắt A16-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 28 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	7	
42	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Kinh Ngang 2	Cắt A16-8, tuyến 471GC- Tân Thành	-Sơn 23 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 04 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	

STT	Hạng mục	Cắt điện tuyến, PD, NR, CB TBA	Nội dung, khối lượng việc thực hiện chính	Số lần cắt điện thi công	Thời gian cắt điện	Nhân lực thi công	Ghi chú
43	Thay thiết bị và đánh số trụ NR Kinh 3 Tân Thành	Cắt A16-8, tuyến 471GC-Tân Thành	-Sơn 25 vị trí trụ hiện hữu -Thay 03 LA, 03 FCO, 01 LBFCO	2	8 giờ/lần	1	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế			Ghi chú	
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện			Thời gian cắt điện (giờ)
				Trung thế	Hạ thế		
<b>II</b>	<b>MỸ THO:</b>			<b>38</b>	38		
1	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Học Lạc 2	thay 290,6 mét dây 4AV120; thay 225 mét dây 3AV70+1AC70, thay 161,4 mét dây 3AV50+1AC50, 56 mét dây 4C25 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120, ABC4x70, ABC4x50, CV25	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
2	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Chùa Chà	thay 358,3 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
3	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hoàng Hoa Thám 1.	thay 233,2 mét dây 4AV120, 248 mét dây 3AV70, 1338,8 mét dây 3AV70+1AC70, 204 mét dây 3AV50+1AC50 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120, ABC3x70, ABC4x70, ABC4x50	FCO, CB trạm	2	2	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
4	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hoàng Hoa Thám 5	thay 233 mét dây 4AV120 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
5	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Thủ Khoa Huân 2	thay 212 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
6	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hoàng Hoa Thám 3	thay 106,5 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
7	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hoàng Hoa Thám 4	thay 463 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
8	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Trung Trực	thay 278 mét dây 4AV95; thay 345,6 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x95, ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
9	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Trung Trực 2	thay 200,5 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
10	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hoàng Hoa Thám 6	thay 86,5 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
11	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Mỹ Phong 1.	thay 292,9 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
12	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Lê Lợi 2.	thay 190,8 mét dây 3AV70; thay 74,2 mét dây 4AV70, 173,2 mét dây 4AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70, ABC4x70, ABC4x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
13	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Lê Lợi	thay 159,5 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
14	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Thái Sanh Hạnh	thay 488,6 mét dây 3AV95, thay 238,1 mét 3AV70, thay 189,2 mét dây 3AV50+1AC50 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95, ABC3x70, ABC4x50	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
15	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Rạch Lò Voi	thay 45,5 mét dây ABC4x50 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x50	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
16	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm 2	thay 167 mét dây 4AV120; thay 109,5 mét dây 4AV50 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120, ABC4x50	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
17	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Trương Định	thay 240,6 mét dây 4AV120, thay 18 mét dây 4AV70, thay 94 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120, ABC4x70, ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
18	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Trương Vĩnh Ký	thay 1.167,7 mét dây 3AV95, thay 384 mét dây 4AV95, thay 320,5 mét dây 3AV120 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95, ABC4x95, ABC3x120	FCO, CB trạm	2	2	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
19	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Trương Vĩnh Ký 2	thay 258,6 mét dây 3AV95+1AC95, 186,4m dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x95, ABC3x95	FCO, CB trạm	2	2	7g00p – 17g00p	
20	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Tạ Thu Thâu	thay 268,9 mét dây mét dây 3AV70, thay 813,9 mét dây 3AV95, thay 163,3 mét dây 3AV120, thay 283 mét dây 3AV50+1AC50, thay 505,4 mét dây 3AV70+1AC50 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70, ABC3x95, ABC3x120, ABC4x50, ABC3x70+1AC50	FCO, CB trạm	2	2	7g00p – 17g00p	
21	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm UBND Phường 8	thay 223,5 mét dây 3AV120, thay 404,6 mét 3AV50+1AC50 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95, ABC4x50	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
22	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Học Lạc 4	thay 279,2 mét dây 3AV95, thay 339,9 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95, ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
23	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Lãnh Binh Cầu	thay 148 mét dây 3AV120 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x120	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
24	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Bình Khiêm	thay 287,5 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
25	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Huệ 1	thay 141,8 mét dây 4AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
26	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Huệ 2	thay 394 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
27	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nguyễn Tri Phương	thay 260,8 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế				Ghi chú
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện		Thời gian cắt điện (giờ)	
				Trung thế	Hạ thế		
28	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV Trạm 7	thay 217,2 mét dây 3AV70; thay 182,5 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x70, ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
29	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Nhà Thờ	thay 173,2 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
30	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Thủ Khoa Thuân 1	thay 118,2 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
31	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Lê Đại Hành	thay 242 mét dây 4AV120 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x120	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
32	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Lê Văn Duyệt	thay 237,5 mét dây 4AV95, thay 169,5 mét dây 4AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC4x95, ABC4x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	

Stt	Hạng mục công trình	Nội dung công việc chính liên quan đến cắt điện	Cắt điện trung hạ thế			Ghi chú	
			TB đóng cắt	Số lần cắt điện			Thời gian cắt điện (giờ)
				Trung thế	Hạ thế		
33	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Sân Vận Động 2	thay 371 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
34	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm Hồ Bé	thay 440 mét dây 3AV95 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
35	Đường dây hạ thế 3 pha 0,4kV trạm 3	thay 151,6 mét dây 3AV95, 104 mét dây 3AV70 vận hành lâu năm bằng dây ABC3x95, ABC3x70	FCO, CB trạm	1	1	7g00p – 17g00p	
<b>Tổng cộng II :</b>				<b>38</b>	<b>38</b>		
<b>Tổng cộng (I + II):</b>				<b>128</b>	<b>38</b>		

### III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

– Số lượng và chủng loại vật liệu, thiết bị do Chủ đầu tư cung cấp được nêu trong BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC.

– Yêu cầu kỹ thuật xem phần phụ lục THUYẾT MINH – BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG đính kèm theo hồ sơ mời thầu.

**Phần vật liệu và thiết bị Chủ đầu tư cấp (A cấp):** Chủ đầu tư cấp tại kho Công ty Điện lực Đồng Tháp; nhà thầu (bên B) không đưa giá vật liệu, thiết bị này vào Hồ sơ dự thầu mà chỉ tính nhân công lắp đặt và vận chuyển từ kho Công ty Điện lực Đồng Tháp đến công trường. Nếu bên B làm mất mát hoặc gây hư hỏng thì phải bồi thường cho bên A theo giá thị trường do bên A tham khảo và quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của bên A) cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi... được tính chung là 10%.

– Phần vật tư thu hồi: Nhà thầu (bên B) chỉ tính nhân công tháo thu hồi và vận chuyển về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp. Nếu bên B làm mất mát hoặc gây hư hỏng thì phải bồi thường cho bên A theo giá thị trường do bên A tham khảo và quyết định cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi... được tính chung là 10%.

### **1. Vật liệu, thiết bị do Nhà thầu (Bên B) cung cấp:**

– Tất cả các loại vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo theo đúng yêu cầu kỹ thuật nêu trong thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt và tuân thủ các quy phạm tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành (Yêu cầu kỹ thuật xem phần phụ lục THUYẾT MINH – BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG đính kèm theo hồ sơ mời thầu).

– Chất lượng của vật liệu dùng cho công trình phải tuân thủ Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy phạm kỹ thuật xây dựng hiện hành.

– Các bản vẽ thiết kế thi công phải được đọc song song với Quy định kỹ thuật này.

1.1 Về các vật tư thiết bị trong gói thầu do nhà thầu cấp (B cấp) phải đáp ứng như sau:

Các VTTB nhà thầu chào (B cấp) phải đáp ứng các yêu cầu thí nghiệm điển hình của Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam và các quy định đang có hiệu lực của EVN, các hồ sơ như sau:

a) Cung cấp bảng chào thông số kỹ thuật của các món VTTB B cấp.

b) Cung cấp các hạng mục thí nghiệm điển hình tương ứng theo các VTTB B cấp: đã quy định trong thí nghiệm điển hình đã nêu trong 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 Quy định đặc tính kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện trung hạ thế áp dụng tại Tổng công ty Điện lực miền Nam.

1.2. Về biên bản thí nghiệm điển hình (BBTNĐH) nộp trong E-HSDT phải đáp ứng như sau:

*i) Đối với Biên bản thí nghiệm điển hình (BBTNĐH) do các phòng thí nghiệm trong nước thực hiện phải đáp ứng một trong số các điều kiện sau:*

- Bản sao BBTNĐH phải là bản sao y chứng thực của tổ chức hợp pháp hoặc sao y của đơn vị thí nghiệm (không chấp nhận nhà thầu tự sao y).
- Hoặc nhà thầu có công văn cam kết đối chiếu bản chính (nếu nhà thầu cung cấp bản sao) trong quá trình thương thảo hợp đồng.

*ii) Đối với BBTNĐH do các phòng thí nghiệm nước ngoài thực hiện phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:*

- Bản sao BBTNĐH phải là bản sao y chứng thực của tổ chức hợp pháp hoặc sao y của đơn vị thí nghiệm (không chấp nhận nhà thầu tự sao y).

- Hoặc thư xác nhận của nhà sản xuất (bản chính) kèm BBTNDH (Type test report) có đóng dấu giáp lai từng trang trên BBTNDH (nếu nhà thầu cung cấp bản sao).

iii) Về biên bản thử nghiệm điển hình được thực hiện và chứng nhận bởi phòng thử nghiệm độc lập đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:

- Yêu cầu nhà thầu nộp hạng mục cấp phép thử nghiệm (Accreditation List) đạt chuẩn ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm.
- Yêu cầu nhà thầu cung cấp chứng nhận/Thư xác nhận số BBTNDH do phòng thí nghiệm cấp.

iii) Nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận của Nhà sản xuất hoặc các đơn vị đã được nhà sản xuất ủy quyền về việc sử dụng các biên bản thí nghiệm điển hình nộp trong E-HSDT, trong đó thể hiện:

STT	Hạng mục thử nghiệm	Bảng kê các Biên bản thử nghiệm điển hình xuất trình theo E-HSDT					Ghi Chú
		Mục/ số trang có hạng mục thử nghiệm	Số BBTN/ngày y phát hành	Tên phòng thử nghiệm	Mã hiệu sản phẩm thử nghiệm	Tiêu chuẩn thử nghiệm	
1	a						
2	b						
3	c						
.....	.....						

– Tất cả các vật tư do nhà thầu cung cấp phải đáp ứng theo Quy định đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung hạ thế đã được Tổng công ty Điện lực miền Nam ban hành tại Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2026 Quy định đặc tính kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện trung hạ thế áp dụng tại Tổng công ty Điện lực miền Nam các quy định đang có hiệu lực của EVN, EVNSPC. Phần trụ điện BTLT phải được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016; và được thử nghiệm nghiệm thu dưới sự chứng kiến của Bên A. Toàn bộ chi phí thí nghiệm thuộc chi phí của Nhà thầu, Nhà thầu tự tính toán đưa chi phí này vào giá chào thầu (kể cả chi phí thiết bị sử dụng lắp đặt tạm để đóng cắt giới hạn phạm vi thi công nhằm hạn chế khu vực bị mất điện).

– Trong trường hợp có nghi ngờ hoặc cần thiết kiểm tra tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu nhà thầu cung cấp trong HSDT, hồ sơ làm rõ, Bên mời thầu sẽ tiến hành thực hiện xác minh tại bên thứ 3 liên quan hoặc yêu cầu nhà thầu cung cấp bản chính các hồ sơ liên quan (bằng cấp, chứng chỉ, văn bản xác nhận của nhà sản xuất, Biên bản thử nghiệm, xác nhận vận hành thành công, ...) để kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận và sẽ bị xử lý vi phạm theo điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025.

## 2. Nội dung công việc chính và yêu cầu kỹ thuật:

## **2.1 Những công việc ban đầu:**

– Sau khi nhận mặt bằng thi công do Chủ đầu tư và Đơn vị thiết kế giao, Nhà thầu có trách nhiệm đo đạc kiểm tra lại các mốc, xác định vị trí các hạng mục công trình chủ yếu. Trường hợp phát hiện có sai lệch khác với mốc đã giao, nhà thầu kịp thời báo cho Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế để có biện pháp kiểm tra lại và hiệu chỉnh kịp thời.

– Nhà thầu phải có người và có phương tiện đo đạc kiểm tra công việc nêu trên và phải chịu trách nhiệm việc đo đạc kiểm tra này.

## **2.2 Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng nội dung công việc:**

### **2.2.1. Công tác định vị đường dây:**

Sau khi nhận bàn giao tuyến đường dây, Nhà thầu tiến hành công việc trắc địa để thông tuyến, chia cột mốc trung gian. Cọc phải bố trí sao cho không trở ngại giao thông và phải được bảo vệ tránh hư hại, ký hiệu cọc tim mốc đường dây phải dùng sơn. Nếu trong quá trình phóng tuyến, chia cột trung gian Nhà thầu phát hiện những sai khác so với hồ sơ thiết kế thì phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư biết để có biện pháp xử lý.

### **2.2.2. Công tác vận chuyển:**

Trước khi vận chuyển, nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện và nhân lực phù hợp với loại vật tư cần vận chuyển. Đồng thời Nhà thầu phải kiểm tra, khảo sát tình trạng các tuyến đường vận chuyển để có biện pháp vận chuyển phù hợp. Nhà thầu tự tổ chức xin phép với Cơ quan chức năng tại khu vực thi công để được phép đưa phương tiện cơ giới vào thi công.

– Vận chuyển cột điện: Phải dùng xe chuyên dùng phù hợp với chủng loại cột (loại cột và chiều dài cột), phải có biện pháp chằng buộc chắc chắn. Khi bốc dỡ cột lên xuống phương tiện vận chuyển phải dùng cầu hoặc thiết bị tương đương, cấm không được bẩy cột rơi xuống từ phương tiện vận chuyển.

– Dây dẫn phải được vận chuyển ở tư thế lãn (tư thế thẳng đứng).

– Cách điện khi vận chuyển phải được giữ nguyên kiện, tránh vận chuyển chung với các vật rắn khác có khả năng gây va đập, hư hỏng.

– Các loại vật tư thiết bị khác phải được vận chuyển và bốc dỡ theo đúng hướng dẫn của nhà chế tạo, không được để xảy ra hư hỏng và thất lạc.

Công tác tái lập mặt đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển vật liệu phục vụ thi công công trình, nhà thầu tự chịu chi phí để thực hiện.

### **2.2.3. Công tác làm móng:**

#### **a. Định vị công trình:**

– Trước khi thi công phải tiến hành bàn giao cọc mốc và cọc tim. Sau khi bàn giao nhà thầu phải đóng thêm những cọc phụ cần thiết cho việc thi công, nhất là những chỗ đặc biệt như thay đổi độ dốc chỗ đường vòng, nơi tiếp giáp đào và đắp v.v ... Những cọc mốc phải được dẫn ra ngoài phạm vi ảnh hưởng của xe

máy thi công và phải được bảo vệ chu đáo để có thể nhanh chóng khôi phục lại những cọc mốc chính đúng vị trí thiết kế khi cần kiểm tra thi công.

- Yêu cầu của công tác định vị, dựng khuôn là phải xác định được vị trí tim, trục công trình, chân mái đất đắp, mép đỉnh mái đất đào.

- Phải sử dụng máy trắc địa để định vị công trình và phải có bộ phận trắc đạc thường trực ở công trường để theo dõi kiểm tra tim cọc mốc công trình trong quá trình thi công.

#### **b. Công tác đào đất:**

- Trước khi đào hố móng phải xây dựng hệ thống tiêu nước. Tùy theo địa hình và tính chất công trình nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công các công việc cần thiết để đào rãnh, đắp bờ con trạch ngăn không cho nước chảy vào hố móng công trình.

- Đất thừa không đảm bảo chất lượng phải đổ ra bãi thải qui định, không được đổ bừa bãi làm ứ đọng nước làm ngập úng các công trình lân cận, làm trở ngại thi công.

- Khi đào hố móng công trình cắt ngang qua hệ thống kỹ thuật ngầm đang hoạt động, trước khi tiến hành đào đất nhà thầu phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

- Khi đào hố móng công trình phải để lại một lớp bảo vệ để chống xâm thực và phá hoại của thiên nhiên (gió, mưa, nhiệt độ...). Bề dày lớp bảo vệ tùy theo điều kiện địa chất công trình và tính chất của công trình nhưng không nhỏ hơn 200mm. Lớp bảo vệ chỉ được bóc đi trước khi bắt đầu xây dựng công trình (đổ bê-tông, xây).

- Khi đào hố móng công trình phải có biện pháp chống sạt lở, lún và làm biến dạng những công trình lân cận (nếu có).

- Trường hợp móng công trình nằm trên nền đá cứng thì toàn bộ đáy móng phải đào tới độ sâu công trình thiết kế. Không được để lại cục bộ những mô đá cao hơn cao trình thiết kế.

#### **c. Công tác đắp đất:**

- Đắp đất móng phải đắp thành từng lớp rồi đầm chặt. Độ chặt và chiều dày từng lớp đất đắp theo như bản vẽ thiết kế qui định.

- Nền công trình và các kết cấu khuất lấp dưới đất trước khi đắp phải được kiểm tra và nghiệm thu.

- Khi đắp hố móng trên nền đất ướt hoặc ngập nước phải tiến hành tiêu thoát nước và vét bùn. Không được dùng đất khô nhào lẫn đất ướt để đắp.

**2.2.4. Công tác bê tông: nhà thầu có thể chào bê tông thương phẩm để sử dụng trong quá trình đổ bê tông móng trụ. Đối với bê tông thương phẩm đề nghị nhà thầu chào nhà cung cấp, kèm theo biên bản thử nghiệm cường**

**độ nén bê tông. Các hạng mục đổ bê tông móng trụ nhà thầu phải phân bổ chi phí thử nghiệm bê tông vào trong giá dự thầu.**

**a. Vật liệu:**

**\* Xi măng:**

– Xi măng đưa vào công trình phải có giấy xuất xưởng hoặc phiếu kiểm tra cường độ xi măng và phải được thử nghiệm theo TCVN 4029:1995. Thời hạn lưu kho xi măng không được quá 3 tháng.

**\* Cát, sỏi (đá):**

– Cỡ hạt của cát, sỏi (đá) phải theo phải theo TCVN 1771:1987 - cát xây dựng và TCVN 1770:1996 - đá dăm, sỏi và sỏi dăm dùng trong xây dựng.

**\* Nước:**

– Tất cả nước dùng để trộn bê tông phải là nước sạch, không có dầu, chất kiềm và các chất hữu cơ có hại. Nước để trộn bê tông và bảo dưỡng bê tông phải thỏa mãn các yêu cầu TCVN 5294:1995.

**\* Cốt thép:**

– Cốt thép (BTCT) phải đảm bảo các yêu cầu của thiết kế đồng thời phù hợp với TCVN 5574:1991, TCVN 1651-85. Nhà thầu phải nêu cụ thể chủng loại và tên nhà sản xuất các loại thép xây dựng (kể cả thép dùng để gia công tiếp địa) trong Hồ sơ dự thầu. Tất cả các loại thép phải được thí nghiệm kiểm tra theo TCVN 197-95 “Kim loại phương pháp thử kéo” và TCVN 198-85 “Kim loại phương pháp thử uốn”.

**b. Chứa xi măng**

– Nếu xi măng được giao trong bao, phải chứa trong kho thoáng khí, không dột và được xếp cách li với mặt đất.

**c. Chứa cốt thép và các kết cấu thép**

– Cốt thép sẽ được chứa theo kích cỡ, loại và chiều dài, cách ly khỏi mặt đất bằng các gối kê.

**2.2.5. Công tác dựng cột:**

– Công tác dựng cột phải tiến hành theo qui trình thi công phù hợp với từng chủng loại cột, kết cấu móng.

– Trước khi dựng cột BTLT nhất thiết phải kiểm tra thân cột có nứt, sứt mẻ quá qui định cho phép không. Nếu có sứt mẻ trong qui định cho phép thì phải được xử lý ngay bằng cách trát vữa xi măng - cát cấp phối 1:2. Công tác dựng cột BTLT phải được thực hiện đúng phương pháp đã được nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu và phù hợp với thiết kế tổ chức thi công. Sau khi cột được dựng phải được kiểm tra độ nghiêng, độ lệch so với qui định cho phép.

– Đối với các vị trí thi công dựng trụ bằng cơ giới : Nhà thầu tự tổ chức xin phép với Cơ quan chức năng tại khu vực thi công để được phép đưa phương tiện cơ giới vào thi công.

#### **2.2.6. Công tác lắp đặt hệ thống tiếp địa:**

– Độ chôn sâu của dây tiếp địa và cọc tiếp địa, khoảng cách giữa cọc tiếp địa, giải pháp nối tiếp địa ... Nhà thầu phải thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế.

– Sau khi đã thực hiện xong công tác lắp đặt hệ thống tiếp địa, nhà thầu có trách nhiệm đo lấy số liệu điện trở tiếp địa cho từng vị trí cột và các trạm biến áp, thông báo ngay cho bên A và đơn vị thiết kế biết để xem xét và có biện pháp xử lý trong trường hợp điện trở tiếp đất chưa đạt yêu cầu của quy phạm hiện hành.

– Nếu có vị trí chưa đạt trị số điện trở tiếp đất theo quy định, nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra lại việc lắp đặt hệ thống tiếp địa đã được thi công, đồng thời thực hiện công tác lắp đặt bổ sung tiếp địa theo yêu cầu của cơ quan thiết kế.

#### **2.2.7. Công tác rải căng dây dẫn:**

– Nhà thầu phải có dụng cụ nâng bành dây để xả dây khỏi bành dây. Cần thiết phải dọn bãi dây ở các điểm néo dây, chủ yếu ở các cột néo để đặt các dụng cụ néo dây. Công tác rải dây và căng dây dẫn có thể được thực hiện bằng thủ công hoặc thủ công kết hợp cơ giới. Khi kéo dây phải hết sức tránh tình trạng dây bị kéo lê trên mặt đất, trên các kết cấu cứng có thể làm mài mòn hoặc trầy xước dây. Phải dùng puli để gác dây và kéo dây qua các vị trí cột.

– Dây sau khi kéo và đưa lên xà, tiến hành căng dây, lấy độ võng và lắp khóa cố định. Độ võng căng dây phù hợp theo yêu cầu của thiết kế.

– Sau khi căng dây lấy độ võng, nhà thầu phải kiểm tra lại khoảng cách an toàn từ mặt đất đến điểm võng nhất của dây và phải ghi vào nhật ký công trình. Kết quả đo được cùng ngày, giờ và thời tiết lúc kiểm tra.

#### **2.2.8. Công tác lắp đặt cách điện:**

– Cách điện và phụ kiện trước khi lắp phải được lau chùi sạch sẽ. Nhà thầu phải kiểm tra để phát hiện trường hợp cách điện bị vỡ, hư hỏng mà mắt thường có thể phát hiện. Khi lắp đặt các phụ kiện sứ, nhà thầu phải sử dụng đúng các dụng cụ thi công theo yêu cầu của nhà chế tạo.

#### **2.2.9. Công tác lắp đặt thiết bị:**

##### **a. Các bước chuẩn bị:**

– Trước khi lắp đặt, nhà thầu phải nghiên cứu kỹ bản vẽ thiết kế và catalogue của các thiết bị cùng với các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất, kiểm kê đầy đủ các phụ kiện và các dụng cụ thi công cần thiết.

##### **b. Lắp đặt thiết bị điện:**

– Công tác này phải được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn của nhà chế tạo thiết bị, bản vẽ thiết kế, các quy phạm thi công hiện hành.

### **2.2.10. Thí nghiệm: (nếu có)**

– Việc kiểm tra và thí nghiệm ở công trường hoặc trong phòng thí nghiệm cần được thực hiện dưới sự giám sát của kỹ sư bên Chủ đầu tư hoặc người đại diện được ủy quyền. Nhà thầu tiến hành đầy đủ các hạng mục thí nghiệm trong quá trình thi công theo quy định của Ngành điện và xây dựng. Sau khi tiến hành xong Nhà thầu phải lập biên bản thí nghiệm.

– Các hạng mục thí nghiệm đạt tiêu chuẩn là cơ sở để tiếp tục tiến hành các công việc tiếp theo. Công tác thí nghiệm gồm có:

- + Thí nghiệm phân xây dựng.
- + Thí nghiệm phân điện.

– Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, đo đạc lại thông số kỹ thuật của cáp ngầm khi thi công hoàn chỉnh để các Bên tiến hành đóng điện thử nghiệm vận hành, nếu kết quả không đạt thì Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại (toàn bộ chi phí khắc phục thiệt hại do Nhà thầu chịu).

### **2.2.11. Công tác thu dọn và vệ sinh sau khi thi công:**

– Nhà thầu có trách nhiệm thu dọn, làm sạch và hoàn trả lại mặt bằng mà trong quá trình thi công đã bị hư hại hoặc chiếm dụng. Tất cả các máy móc, vật tư thiết bị, các nguyên vật liệu và đất thừa còn dư trong quá trình thi công phải được dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực.

– Công tác này chỉ được công nhận là hoàn tất khi được chủ đầu tư xác nhận, và phải được hoàn tất trước ngày nghiệm thu bàn giao công trình 03 ngày.

### **2.2.11. Công tác nghiệm thu, bàn giao:**

– Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trước khi nghiệm thu như: các biên bản nghiệm thu kỹ thuật, các biên bản thí nghiệm, nhật ký công trình, các biên bản xử lý tồn tại ...

– Chuẩn bị nhân lực, phương tiện phục vụ cho đóng điện và xử lý sự cố.

## **3. Nhật ký thi công, nghiệm thu hạng mục công việc và chuyển giai đoạn thi công; tổ chức lấy mẫu và thí nghiệm; biện pháp thi công và tổ chức giám sát nghiệm thu:**

– Đối với công tác ghi chép và lưu trữ Nhật ký thi công: Nhà thầu thực hiện ghi chép đầy đủ các bước từ trong quá trình thi công cho từng hạng mục công trình.

– Đối với công tác tổ chức nghiệm thu hạng mục công việc: Thực hiện nghiệm thu kịp thời sau khi hạng mục công việc đã được kiểm tra tại công trường đạt yêu cầu thiết kế và đồng ý cho phép triển khai hạng mục công việc tiếp theo để công tác thi công được liên tục và có đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng cho các hạng mục công việc đã thực hiện tại công trường.

– Đối với công tác lấy mẫu phục vụ công tác thí nghiệm mẫu: Thực hiện lập Biên bản lấy mẫu và thí nghiệm mẫu phục vụ công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn (hạng mục móng bê tông và đất đắp móng).

**4. Phải thực hiện tốt biện pháp an toàn sau khi thực hiện từng hạng mục công việc, trong đó lưu ý công tác lấp đất, đầm chặt hoàn trả mặt bằng tránh việc mất an toàn xung quanh vị trí móng tạo thành hố sâu, hồ nước đọng lại hoặc không thể tháo dỡ các bộ chằng tạm phục vụ thi công;**

**5. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:**

Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ phù hợp với công trình xây dựng. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân tham gia thi công xây dựng công trình;

- Tổ chức thực hiện các thí nghiệm, kiểm tra vật liệu, thiết bị, công nghệ, cấu kiện và các sản phẩm xây dựng phải đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước đáp ứng thời gian theo yêu cầu trước khi xây dựng và lắp đặt cho công trình, cụ thể như sau:

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xi măng; cốt liệu bê tông; thép cốt bê tông; nước sử dụng cho công trình; thép hình	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu, cơ lý của vật liệu, phân tích hành phân của nước trước khi đưa vào sử dụng		Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất <b>05 ngày</b> sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
2	Bê tông thương phẩm	Kiểm tra vật liệu, thiết bị, quy trình sản xuất, thí nghiệm vật liệu theo tiêu chuẩn hiện hành, chứng nhận CO/CQ vật liệu của nhà sản xuất, thí nghiệm cấp phối bê tông	Yêu cầu trình chấp thuận phương án sản xuất/cung cấp cốt liệu, bê tông thương phẩm, biện pháp kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất của đơn vị cung cấp	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất <b>05 ngày</b> sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
3	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông theo loại	Đúc mẫu thử và đem thí nghiệm cường độ nén mẫu theo thiết kế	Nhà thầu thuê đơn vị LAS thiết kế, thí nghiệm; TVGS chứng kiến kiểm tra	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
	cốt liệu và cấp độ bền được quy định trong hồ sơ thiết kế	thành phần cấp phối bê tông đăng ký	mẻ trộn thử, chứng kiến thí nghiệm và gửi kết quả	kiểm tra, chậm nhất <b>05 ngày</b> sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
4	Cột bê tông treo dây dẫn điện	Kiểm tra ngoại quan và thí nghiệm mẫu đại diện lô hàng về chịu lực theo quy định của thiết kế	Nhà thầu có văn bản mời nghiệm thu lô cột	Chậm nhất <b>25 ngày</b> sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công ( <i>hoặc theo tiến độ chi tiết nêu trong hợp đồng</i> )
5	Tổ mẫu bê tông cấu kiện	Thí nghiệm nén mẫu	Không yêu cầu trình duyệt	Theo kế hoạch của nhà thầu, thực hiện trước khi nghiệm thu khối lượng công việc
6	Cách điện và phụ kiện	Thí nghiệm theo tiêu chuẩn hiện hành hoặc chứng nhận CO/CQ của nhà sản xuất	Nhà thầu có văn bản mời lấy mẫu	Chậm nhất <b>20 ngày</b> sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công

- Lập, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tổ chức thi công xây dựng hằng ngày trên công trường;
- Lập, kiểm tra thực hiện tiến độ đăng ký theo hợp đồng đã ký kết;
- Quản lý và ghi chép nhật ký công trường theo quy định;
- Kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình của các nhóm công tác;
- Kiểm tra, thực hiện bảo vệ môi trường tại khu vực thi công;
- Tổ chức nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công các hạng mục, bộ phận, công trình hoàn thành và chuẩn bị đủ các tài liệu hồ sơ liên quan trước khi lập phiếu yêu cầu tổ chức nghiệm thu;
- Báo cáo về tiến độ, khối lượng, chất lượng thi công xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCN theo yêu cầu của Điện lực;

Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không

đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại

#### IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1		Bản vẽ mặt bằng tuyến được phê duyet theo Quyết định số 1205 QĐ- PCĐT ngày 08/3/2026 và Quyết định số 1272 QĐ- PCĐT ngày 12/3/2026	Đính kèm hồ sơ mời thầu

#### V. Các yêu cầu, chỉ dẫn khác:

##### 1. Bảng kê vật tư, thiết bị do Chủ đầu tư cấp:

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<b>Công trình 1: Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực Gò Công Đông (năm 2026 bổ sung):</b>		
<b>A</b>	<b>THIẾT BỊ</b>		
1	LA 18kV 10kA	Cái	205
2	FCO 27kV 100A	Cái	232
3	LBFCO 27kV 200A	Cái	67
<b>B</b>	<b>VẬT LIỆU</b>		
	Không có		
	<b>Công trình 2: Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực Mỹ Tho (năm 2026 bổ sung):</b>		
<b>A</b>	<b>THIẾT BỊ</b>		
	Không có		
<b>B</b>	<b>VẬT LIỆU</b>		
1	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x70	mét	4.402,0
2	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x70 (dùng lèo)	mét	20,0
3	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x95	mét	5.539,0
4	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x95 (dùng lèo)	mét	23,0
5	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x120	mét	872,0

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
6	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x120 (dùng lèo)	mét	3,0
7	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x50	mét	1.425,0
8	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x50 (dùng lèo)	mét	5,0
9	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x70	mét	2.007,0
10	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x70 (dùng lèo)	mét	14,0
11	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x95	mét	1.358,0
12	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x95 (dùng lèo)	mét	10,0
13	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x120	mét	1.435,0
14	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x120 (dùng lèo)	mét	8,0
15	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-50/8	kg	101,0
16	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm <sup>2</sup>	kg	48,8
17	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 10mm <sup>2</sup>	mét	152,0
18	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 25mm <sup>2</sup>	mét	230,0
19	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 150mm <sup>2</sup>	mét	30,0
20	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6mm <sup>2</sup>	mét	1.016,0
21	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 6 mm <sup>2</sup>	mét	68,5
22	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 10 mm <sup>2</sup>	mét	455,0
23	Cáp điện kế 4 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 3 x 25 +1x16 mm <sup>2</sup>	mét	25,0

## 2. Bảng kê khối lượng các bộ chi tiết trong gói thầu:

Bảng kê khối lượng này thống kê chi tiết. Khối lượng của toàn gói thầu nhà thầu xem chi tiết theo bảng tiên lượng mời thầu.

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
<b>I</b>	<b>Công trình 1: Sửa chữa lưới điện trung thế khu vực Gò Công Đông (năm 2026 bổ sung):</b>		
<b>1</b>	<b>Phần lắp đặt mới: Thiết bị (vật tư A cấp, nhà thầu không chào giá vật tư)</b>		
<b>1.1</b>	LA 18kV 10kA	205	Cái
<b>1.2</b>	FCO 27kV 100A	232	Cái
<b>1.3</b>	LBFCO 27kV 200A	67	Cái
<b>1.4</b>	Lắp LA (bộ 3pha)	5	Bộ
<b>1.5</b>	Lắp FCO (bộ 3pha)	5	Bộ
<b>1.6</b>	Lắp LA (bộ 1pha) bậc	190	bộ
<b>1.7</b>	Lắp FCO (bộ 1pha) bậc	217	bộ
<b>1.8</b>	LBFCO (bộ 1pha)	67	Bộ
<b>2</b>	<b>Tháo dỡ thu hồi vật tư: (tháo dỡ thu hồi vật tư trả về kho Công ty, nhà thầu chỉ chào giá nhân công + MTC, không chào giá vật tư)</b>		
2.1	LA 18kV 10kA	205	Cái
2.2	FCO 27kV 100A	232	Cái
2.3	LBFCO 27kV 100A	67	Cái
2.4	Tháo dỡ LA (bộ 3 pha)	5	Bộ
2.5	Tháo dỡ FCO (bộ 3 pha)	5	Bộ
2.6	Tháo dỡ LA (bộ 1pha)	190	Bộ
2.7	Tháo dỡ FCO (bộ 1pha)	217	Bộ
2.8	Tháo dỡ LBFCO (bộ 1pha)	67	Bộ
<b>3</b>	<b>Lắp đặt mới:</b>		
<b>3.1</b>	<b>Móng trụ M8,5a</b>	<b>2</b>	<b>Bộ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Đà cán BTCT 1,2m	1	Cái
	Bu lông VR 2Đ 22x500	1	Cái
	<b>2. Nhân công 01 bộ</b>		
	Đào đất móng bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp I, công	1	Khoán
	Đắp đất bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt k=0,85, công	1	Khoán
	Lắp đà cán BTCT 1,2m, công nhóm 2, bậc 4,0/7 (trang 34 QĐ 203/QĐ-EVN)	1	Cái
	<b>3. Máy thi công 01 bộ</b>		
	Đào đất móng bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp I, công	1	Khoán
	Đắp đất bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt k=0,85, công	1	Khoán

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
<b>3.2</b>	<b>Móng trụ M12ba</b>	<b>36</b>	<b>Bộ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Đà cán BTCT 1,2m	1	Cái
	Đà cán BTCT 1,5m	1	Cái
	Bu lông VR 2Đ 22x800	2	Cái
	<b>2. Nhân công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất móng bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 TT12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt k=0,85, công nhóm I bậc 3/7 (trang 84 TT12)	1	Khoán
	Lắp đà cán BTCT 1,2m, công nhóm 2, bậc 4,0/7 (trang 34 QĐ 203/QĐ-EVN)	1	Cái
	Lắp đà cán BTCT 1,5m, công nhóm 2, bậc 4,0/7 (trang 34 QĐ 203/QĐ-EVN)	1	Cái
	<b>3. Máy thi công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất móng bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 TT12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt k=0,85, công nhóm I bậc 3/7 (trang 84 TT12)	1	Khoán
<b>3.3</b>	<b>Móng trụ MĐ8,5x2</b>	<b>2</b>	<b>Bộ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Xi măng PC40 (96 kg/m <sup>3</sup> bê tông)	96	Kg
	Đá 1x2 (0,323m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> bê tông)	0,323	M3
	Cát (0,196 m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> bê tông)	0,196	M3
	Nước (68 lít/m <sup>3</sup> bê tông)	0,068	M3
	Boulon mạ kẽm VRS 16x450 + LĐV 50x3	2	Bộ
	Bu lông VR 2Đ 22x500	1	Bộ
	<b>2. Nhân công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất bằng máy đào đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 thông tư 12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng thủ công, kết hợp máy đầm đất cầm tay độ chặt K=0,85,	1	Khoán
	Đổ bê tông bằng thủ công	1	Khoán
	Di chuyển, lắp dựng ván khuôn thép, công	1	Khoán
	Tháo dỡ, di chuyển ván khuôn thép, công	1	Khoán
	<b>3. Máy thi công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất bằng máy đào đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 thông tư 12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng thủ công, kết hợp máy đầm đất cầm tay độ chặt K=0,85, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 84 thông tư 12)	1	Khoán
	Máy trộn bê tông 250 lít (trang 16 QĐ 4863/QĐ-SXD)	1	Khoán

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
	Đầm dùi 1,5kW (trang 32 QĐ 4863/QĐ-SXD)	1	Khoán
<b>3.4</b>	<b>Móng trụ MĐ12x2</b>	<b>2</b>	<b>Bộ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Xi măng PC40 (320 kg/m <sup>3</sup> bê tông)	320	Kg
	Đá 1x2 (1,075 m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> bê tông)	1,075	M3
	Cát (0,651 m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> bê tông)	0,651	M3
	Nước (226 lít/m <sup>3</sup> bê tông)	0,226	M3
	Boulon mạ kẽm VRS 16x600 + LĐV 50x3	1	Bộ
	Bulông VR2Đ 16x600	1	Bộ
	Bu lông VR 2Đ 22x800	1	Bộ
	<b>2. Nhân công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất bằng máy đào đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 thông tư 12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng thủ công, kết hợp máy đầm đất cầm tay độ chặt K=0,85, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 84 thông tư 12)	1	Khoán
	Đổ bê tông bằng thủ công nhóm 2 bậc 3,0/7 kết hợp máy (trang 297 thông tư 12)	1	Khoán
	Di chuyển, lắp dựng ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 3,5/7 (trang 426 thông tư 12)	1	Khoán
	Tháo dỡ, di chuyển ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 3,5/7 (trang 426 thông tư 12)	1	Khoán
	<b>3. Máy thi công cho 01 bộ</b>		
	Đào đất bằng máy đào đất cấp I, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 29 thông tư 12)	1	Khoán
	Đắp đất bằng thủ công, kết hợp máy đầm đất cầm tay độ chặt K=0,85, công nhóm 1 bậc 3,0/7 (trang 84 thông tư 12)	1	Khoán
	Máy trộn bê tông 250 lít (trang 16 QĐ 4863/QĐ-SXD)	1	Khoán
	Đầm dùi 1,5kW (trang 32 QĐ 4863/QĐ-SXD)	1	Khoán
<b>3.5</b>	<b>Trụ BTLT 8,5m</b>	<b>6</b>	<b>Trụ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Trụ BTLT dự ứng lực 8,5m	1	Trụ
	<b>2. Nhân công cho 01 bộ</b>		
	Dựng trụ BTLT <= 10m bằng cầu kết hợp thủ công, công	1	Trụ
	<b>3. Máy thi công cho 01 bộ</b>		
	Cầu trục ô tô 10 tấn dựng trụ 8,5m	1	Trụ
<b>3.6</b>	<b>Trụ BTLT 12m</b>	<b>40</b>	<b>Trụ</b>
	<b>1. Vật liệu cho 01 bộ</b>		
	Trụ BTLT dự ứng lực 12m - 540kgf	1	Trụ

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
	<b>2. Nhân công cho 01 bộ</b>		
	Dựng trụ BTLT <= 12m bằng cầu kết hợp thủ công, công nhóm 2, bậc 3,5/7 (trang 31 QĐ 203/QĐ-EVN)	1	Trụ
	<b>3. Máy thi công cho 01 bộ</b>		
	Cầu trục ô tô 10 tấn dựng trụ 12m (trang 31 QĐ 203/QĐ-EVN)	1	Trụ
<b>3.7</b>	<b>Vật liệu, Nhân công: Sơn, thay biển (phục hồi cho biển số trên trụ BTLT trung thể hiện hữu bằng decal)</b>		
3.7.1	Sơn trắng	52	Kg
3.7.2	Sơn đen	25	Kg
3.7.3	Sơn đỏ	10	Kg
3.8	Hộp composite 2 công tơ (kèm pass, dây đai, khóa đai)	379	Bộ
3.9	Hộp composite 4 công tơ (kèm pass, dây đai, khóa đai)	132	Bộ
<b>4</b>	<b>Tháo gỡ thu hồi, lắp lại (vật tư thu hồi trả về kho Công ty, nhà thầu chỉ chào giá nhân công, không chào giá vật tư thu hồi)</b>		
4.1	Hộp composite 2 công tơ	379	Bộ
4.2	Hộp composite 4 công tơ	132	Bộ
4.3	Tháo gỡ, lắp lại hộp composite <= 2 công tơ,	379	Hộp
4.4	Tháo gỡ, lắp lại hộp composite <= 4 công tơ	132	Hộp
<b>5</b>	<b>Tháo gỡ thu hồi: (tháo gỡ thu hồi vật tư trả về kho Công ty, nhà thầu chỉ chào giá nhân công + MTC, không chào giá vật tư)</b>		
5.1	Cắt gốc thu hồi trụ BTLT 8,5m	6	Trụ
5.2	Cắt gốc thu hồi trụ BTLT 12m	40	Trụ
5.3	Tháo gỡ thu hồi Trụ BTLT 8,5m	6	Trụ
5.4	Tháo gỡ thu hồi Trụ BTLT 12m	40	Trụ
<b>6</b>	<b>Bảng tổng hợp vật tư thu hồi trả về kho Công ty, nhà thầu không chào giá vật tư</b>		
6.1	LA 18kV 10kA	205	cái
6.2	FCO 27kV 100A	232	cái
6.3	LBFCO 27kV 100A	67	cái
6.4	Cắt gốc thu hồi Trụ BTLT dự ứng lực 8,5m	6	Trụ
6.5	Cắt gốc thu hồi Trụ BTLT dự ứng lực 12m	40	Trụ
STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
<b>II</b>	<b>Công trình 2: Sửa chữa lưới điện hạ thế khu vực Mỹ Tho (năm 2026 bổ sung):</b>		
<b>1</b>	<b>Móng trụ bê tông đơn: MĐ1x7</b>	<b>1</b>	<b>Móng</b>

<b>STT (1)</b>	<b>Mô tả công việc (2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo (3)</b>	<b>Đơn vị tính (4)</b>
1.1	Đào đất cấp II bằng thủ công (rộng ≤ 1m, sâu > 1m) <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
1.2	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 4,0/7 (trang 426 thông tư 12)	1,28	m2
1.3	Công tác bê tông móng đá 1x2 mác 200, độ sụt 6÷8cm (chiều rộng ≤ 250cm)	0,301	m3
1.4	Đắp đất hố móng bằng đầm cóc 70kg, độ chặt K=0,85 <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
<b>2</b>	<b>Móng trụ bê tông ghép: MĐ2x7</b>	<b>1</b>	<b>Móng</b>
2,1	Đào đất cấp II bằng thủ công (rộng ≤ 1m, sâu > 1m) <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
2.2	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 4,0/7 (trang 426 thông tư 12)	1,44	m2
2.3	Công tác bê tông móng đá 1x2 mác 200, độ sụt 6÷8cm (chiều rộng ≤ 250cm)	0,362	m3
2.4	Đắp đất hố móng bằng đầm cóc 70kg, độ chặt K=0,85 <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
<b>3</b>	<b>Móng trụ bê tông đơn: MĐ1x8</b>	<b>1</b>	<b>Móng</b>
3.1	Đào đất cấp II bằng thủ công (rộng ≤ 1m, sâu > 1m) <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
3.2	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 4,0/7 (trang 426 thông tư 12)	1,28	m2
3.3	Công tác bê tông móng đá 1x2 mác 200, độ sụt 6÷8cm (chiều rộng ≤ 250cm)	0,301	m3
3.4	Đắp đất hố móng bằng đầm cóc 70kg, độ chặt K=0,85 <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
<b>4</b>	<b>Móng trụ bê tông ghép: MĐ2x8</b>	<b>1</b>	<b>Móng</b>
4.1	Đào đất cấp II bằng thủ công (rộng ≤ 1m, sâu > 1m) <b>(theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)</b>	1	Khoán
4.2	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn thép, công nhóm 2 bậc 4,0/7 (trang 426 thông tư 12)	1,44	m2

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
4.3	Công tác bê tông móng đá 1x2 mác 200, độ sụt 6÷8cm (chiều rộng ≤ 250cm)	0,362	m3
4.4	Đắp đất hồ móng bằng đầm cóc 70kg, độ chặt K=0,85 (theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1	Khoán
<b>5</b>	<b>Tiếp địa lập lại ngoài thân trụ (1 cọc) đất cấp II-đầu nối dây có S=(50-70)mm<sup>2</sup></b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
5.1	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	0,1	kg
5.2	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	8	mét
5.3	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m (bao gồm miếng thép 60x50x6) hàn vào cọc trước khi mạ kẽm	1	cọc
5.4	Bu lông 12x25	2	cái
5.5	Lông đèn tròn d14	4	cái
5.6	Đầu cosse thép 50mm <sup>2</sup> (2 lỗ Φ14) mạ kẽm	1	cái
5.7	Đầu cosse Cu 25mm <sup>2</sup> lỗ Φ14	1	cái
5.8	Dây đai	3	mét
5.9	Khóa đai	3	cái
5.10	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	3	cái
5.11	Đóng cọc tiếp địa bằng thép tròn, chiều dài L=2,5m, đất cấp 2	0,1	10 cọc
5.12	Ép đầu cốt, tiết diện cấp ≤ 50mm <sup>2</sup>	1	1 đầu cốt
5.13	Ép đầu cốt, tiết diện cấp ≤ 25mm <sup>2</sup>	1	1 đầu cốt
5.14	Lắp tiếp địa cột điện (kích thước ≤ Ø18 (≤ 55x4))	2,262	kg
<b>6</b>	<b>Tiếp địa lập lại ngoài thân trụ (1 cọc) đất cấp II-đầu nối dây có S=95mm<sup>2</sup></b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
6.1	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	0,1	kg
6.2	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	8	mét
6.3	Cọc tiếp đất Φ16-2,4m (bao gồm miếng thép 60x50x6) hàn vào cọc trước khi mạ kẽm	1	cọc
6.4	Bu lông 12x25	2	cái
6.5	Lông đèn tròn d14	4	cái
6.6	Đầu cosse thép 50mm <sup>2</sup> (2 lỗ Φ14) mạ kẽm	1	cái
6.7	Đầu cosse Cu 25mm <sup>2</sup> lỗ Φ14	1	cái
6.8	Dây đai	3	mét
6.9	Khóa đai	3	cái
6.10	Kẹp WR 379 (25-50/70-95)	3	cái
6.11	Đóng cọc tiếp địa bằng thép tròn, chiều dài L=2,5m, đất cấp 2	0,1	10 cọc

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
6.12	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 50\text{mm}^2$	1	1 đầu cốt
6.13	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 25\text{mm}^2$	1	1 đầu cốt
6.14	Lắp tiếp địa cột điện (kích thước $\leq \text{Ø}18 (\leq 55 \times 4)$ )	2,262	kg
<b>7</b>	<b>Tiếp địa lập lại ngoài thân trụ (1 cọc) đất cấp II-đầu nối dây có S=120mm<sup>2</sup></b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
7.1	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	0,1	kg
7.2	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	8	mét
7.3	Cọc tiếp đất $\text{Ø}16-2,4\text{m}$ (bao gồm miếng thép 60x50x6) hàn vào cọc trước khi mạ kẽm	1	cọc
7.4	Bu lông 12x25	2	cái
7.5	Lông đèn tròn d14	4	cái
7.6	Đầu cosse thép 50mm <sup>2</sup> (2 lỗ $\text{Ø}14$ ) mạ kẽm	1	cái
7.7	Đầu cosse Cu 25mm <sup>2</sup> lỗ $\text{Ø}14$	1	cái
7.8	Dây đai	3	mét
7.9	Khóa đai	3	cái
7.10	Kẹp WR 815 (25-70/120-240)	3	cái
7.11	Đóng cọc tiếp địa bằng thép tròn, chiều dài L=2,5m, đất cấp 2	0,1	10 cọc
7.12	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 50\text{mm}^2$	1	1 đầu cốt
7.13	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 25\text{mm}^2$	1	1 đầu cốt
7.14	Lắp tiếp địa cột điện (kích thước $\leq \text{Ø}18 (\leq 55 \times 4)$ )	2,262	kg
<b>8</b>	<b>Bộ coi đầu trụ kép L75x75x8-2,4m: COD2,4m-K (trọng lượng 46,08kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>
8.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	2	cây
8.2	Bu lông 16x250	2	cái
8.3	Bu lông 16x300VRS	1	cái
8.4	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	8	cái
8.5	Lắp đặt xà đỡ, coi đầu trụ (50kg) (trọng lượng 46,08kg)	1	bộ
<b>9</b>	<b>Bộ xà lệch đôi trụ đơn L75x75x8-1,2m: XL1,2m-K (trọng lượng 52,36kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>
9.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-1,2m 2 ốp	2	cây
9.2	Thanh chống mạ kẽm PL60x6-920	2	cây
9.3	Bu lông 16x50	2	cái
9.4	Bu lông 16x250	2	cái
9.5	Bu lông 16x300VRS	1	cái
9.6	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	12	cái
9.7	Lắp đặt xà đỡ, coi đầu trụ (50kg) (trọng lượng 52,36kg)	1	bộ
<b>10</b>	<b>Bộ xà lệch đôi trụ đơn L75x75x8-0,8m: XDD0,8m-K (trọng lượng 25,63kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
10.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-0,8m 1 ốp	2	cây
10.2	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,7m	2	cây
10.3	Bu lông 16x50	2	cái
10.4	Bu lông 16x250	2	cái
10.5	Bu lông 16x300VRS	1	cái
10.6	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	12	cái
10.7	Lắp đặt xà đỡ, coi đầu trụ (50kg) (trọng lượng 25,63kg)	1	bộ
<b>11</b>	<b>Bộ xà lệch đôi trụ ghép L75x75x8-0,8m: XDG0,8m-K (trọng lượng 25,63kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>
11.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-0,8m 1 ốp	2	cây
11.2	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,7m	2	cây
11.3	Bu lông 16x50	2	cái
11.4	Bu lông 16x350	2	cái
11.5	Bu lông 16x400VRS	1	cái
11.6	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	12	cái
11.7	Lắp đặt xà đỡ, coi đầu trụ (50kg) (trọng lượng 25,63kg)	1	bộ
<b>12</b>	<b>Bộ xà đỡ đơn L75x75x8 dài 0,8m: X08-Đ (trọng lượng 14,49kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>
12.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-0,8m 1 ốp	1	cây
12.2	Thanh chống mạ kẽm L60x60x6-0,7m	1	cây
12.3	Bu lông 16x250	2	cái
12.4	Bu lông 16x50	1	cái
12.5	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	6	cái
12.6	Lắp xà, coi thép trên cột đỡ, trọng lượng ≤ 15kg	1	1 bộ
<b>13</b>	<b>Bộ xà néo L75x75x8-2,0m: X2,0m-K (trọng lượng 47,28kg)</b>	<b>1</b>	<b>Bộ</b>
13.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2m 3 ốp	2	cây
13.2	Thanh chống mạ kẽm L50x50x5-2,1m	2	cây
13.3	Bu lông 16x50	2	cái
13.4	Bu lông 16x250	2	cái
13.5	Bu lông 16x300VRS	1	cái
13.6	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	12	cái
13.7	Lắp đặt xà néo (50kg) (trọng lượng 47,28kg)	1	bộ
<b>14</b>	<b>PHẦN ÁP DỤNG ĐƠN GIÁ SỬA CHỮA (ĐM 203 CỦA EVN)</b>		
<b>15</b>	<b>Phần trụ và bu lông ghép trụ</b>		
<b>16</b>	<b>Bộ Boulon ghép trụ BTLT 7,5m-8,5m</b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
16.1	Bu lông 16x400VRS	1	cái
16.2	Bu lông 16x450VRS	1	cái
16.3	Bu lông 16x550VRS	1	cái
16.4	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	6	cái
<b>17</b>	<b>Trụ bê tông ly tâm 7,5m (thủ công + cơ giới)</b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
17.1	Cột BTLT 7,5m-2kN (có dây tiếp địa) k = 2	1	trụ

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
17.2	Dựng cột bê tông bằng cầu kết hợp thủ công, chiều cao cột $\leq 8,5m$	1	1 cột
<b>18</b>	<b>Trụ bê tông ly tâm 8,5m (thủ công + cơ giới)</b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
18.1	Cột BTLT 8,5m-3kN (có dây tiếp địa) $k = 2$	1	trụ
18.2	Dựng cột bê tông bằng cầu kết hợp thủ công, chiều cao cột $\leq 8,5m$	1	1 cột
<b>19</b>	<b>Phần phụ kiện</b>		
<b>20</b>	<b>Bộ ống bảo vệ PVC</b>	<b>1</b>	<b>bộ</b>
20.1	Ống PVC $\Phi 34$ dày 1,9mm	24	mét
20.2	Dây đai	21,6	mét
20.3	Khóa đai	18	cái
20.4	Keo dán ống PVC 50g	1	tuýp
20.5	Keo cách điện silicon	1	chai
20.6	Lắp ống nhựa nổi và tường (vào cột), đường kính ống $\leq 34$	1	1 mét
<b>21</b>	<b>Phần dây, sứ và phụ kiện ĐDHT sửa chữa</b>		
21.1	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-50/8 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	101	kg
21.2	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x70 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	4402	mét
21.3	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x70 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	20	mét
21.4	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x95 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	5539	mét
21.5	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x95 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	23	mét
21.6	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x120 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	872	mét
21.7	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-3x120 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	3	mét

<b>STT (1)</b>	<b>Mô tả công việc (2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo (3)</b>	<b>Đơn vị tính (4)</b>
21.8	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x50 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	1425	mét
21.9	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x50 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	5	mét
21.10	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x70 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	2007	mét
21.11	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x70 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	14	mét
21.12	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x95 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	1358	mét
21.13	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x95 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	10	mét
21.14	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x120 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	1435	mét
21.15	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LVABC]-4x120 (dùng lèo) (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	8	mét
21.16	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 25mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	228	mét
21.17	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 150mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	30	mét
21.18	Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm <sup>2</sup>	427	cái
21.19	Kẹp ngừng cáp ABC 4x120mm <sup>2</sup>	88	cái
21.20	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm <sup>2</sup>	269	cái
21.21	Kẹp treo cáp ABC 4x120mm <sup>2</sup>	37	cái
21.22	Móc đôi cáp ABC (móc chữ A)	9	cái
21.23	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm <sup>2</sup>	2401	cái
21.24	Kẹp nối bọc cách điện IPC 150-35 mm <sup>2</sup>	400	cái
21.25	Kẹp WR 279 (50-70/50-70)	976	cái
21.26	Kẹp WR 379 (25-50/70-95)	358	cái

<b>STT (1)</b>	<b>Mô tả công việc (2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo (3)</b>	<b>Đơn vị tính (4)</b>
21.27	Kẹp WR 419 (70-95/70-95)	598	cái
21.28	Kẹp WR 815 (25-70/120-240)	193	cái
21.29	Kẹp WR 835 (50-95/120-240)	238	cái
21.30	Kẹp WR 909 (95-150/120-240)	108	cái
21.31	Kẹp WR 929 (120-240/120-240)	18	cái
21.32	Rack 4 sứ	35	cái
21.33	Rack 2 sứ	4	cái
21.34	Uclevis	218	cái
21.35	Sứ ống chỉ	366	cái
21.36	Bu lông móc 16x650	6	cái
21.37	Bu lông móc 16x450	70	cái
21.38	Bu lông móc 16x400	24	cái
21.39	Bu lông móc 16x300	112	cái
21.40	Bu lông móc 16x250	361	cái
21.41	Bu lông móc 16x200	1	cái
21.42	Bu lông móc 16x50	29	cái
21.43	Bu lông 16x450	36	cái
21.44	Bu lông 16x400	21	cái
21.45	Bu lông 16x300	48	cái
21.46	Bu lông 16x250	171	cái
21.47	Bu lông 16x50	3	cái
21.48	Bu lông 16x300VRS	3	cái
21.49	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	1173	cái
21.50	Ống nối căng dây nhôm A 120mm2 (lèo)	14	ống
21.51	Ống nối căng bọc cách điện cáp ABC 120-120mm2 (nối lèo)	15	cái
21.52	Ống nối căng dây nhôm A 95mm2 (lèo)	25	ống
21.53	Ống nối căng bọc cách điện cáp ABC 95-95mm2 (nối lèo)	7	cái
21.54	Ống nối căng dây nhôm A 70mm2 (lèo)	22	ống
21.55	Ống nối căng bọc cách điện cáp ABC 70-70mm2 (nối lèo)	7	cái
21.56	Ống nối căng dây nhôm A 50mm2 (lèo)	9	ống
21.57	Ống nối căng bọc cách điện cáp ABC 50-50mm2 (nối lèo)	5	cái
21.58	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm2	96	cái
21.59	Kẹp cáp nhôm 3 bu lông cỡ 25-150mm2	16	cái
21.60	Kẹp tiếp địa chờ cáp ABC-HT	86	cái
21.61	<b>Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm2 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)</b>	<b>37,744</b>	<b>kg</b>
21.62	<b>Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 25mm2 (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)</b>	<b>2</b>	<b>mét</b>

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
21.63	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 10mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	152	mét
21.64	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	1016	mét
21.65	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 6 mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	68,5	mét
21.66	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 10 mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	455	mét
21.67	Cáp điện kế 4 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 3 x 25 +1x16 mm <sup>2</sup> (vật tư Công ty Điện lực Đồng Tháp cấp, không chào giá chủng loại này)	25	mét
21.68	Co sứ lắp điện kế số 5	72	cái
21.69	Co sứ lắp điện kế số 7	6	cái
21.70	Dây kẽm buộc 1,6mm (bọc nhựa)	7,7	kg
21.71	Đầu cosse Cu 25mm <sup>2</sup> lỗ Φ14	9	cái
21.72	Cách điện Compound 50g	264	Tuýp
21.73	Băng keo cách điện hạ thế	1399	cuộn
21.74	Đầu cosse Cu 150mm <sup>2</sup> lỗ Φ14	3	cái
21.75	Móc treo chữ U (loại chốt bu lông)	2	cái
21.76	Sứ néo polymer 24kV-70kN	11	chuỗi
21.77	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 01 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	1	bộ
21.78	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 02 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	12	bộ
21.79	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	77	bộ
21.80	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời (kèm theo bass, dây đai + khóa đai)	27	bộ
21.81	Biển số - Bảng nguy hiểm	647	cái
21.82	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp ≤ 4x16mm <sup>2</sup> (cáp ≤ 2x6mm <sup>2</sup> )	1,016	1 km/ 1 dây
21.83	Kéo rải và căng dây nhôm trần lõi thép (AC) bằng thủ công, tiết diện ≤ 50mm <sup>2</sup>	0,5054	1 km/ 1 dây
21.84	Kéo rải và căng dây đồng trần (M) bằng thủ công, tiết diện ≤ 25mm <sup>2</sup>	0,224	1 km/ 1 dây
21.85	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp ≤ 4x70mm <sup>2</sup> (cáp ABC 3x70mm <sup>2</sup> )	4,3155	1 km/ 1 dây

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
21.86	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 95 \text{mm}^2$ (cáp ABC $3 \times 95 \text{mm}^2$ )	5,4302	1 km/ 1 dây
21.87	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 120 \text{mm}^2$ (cáp ABC $3 \times 120 \text{mm}^2$ )	0,8553	1 km/ 1 dây
21.88	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 50 \text{mm}^2$	1,3972	1 km/ 1 dây
21.89	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 70 \text{mm}^2$	1,9673	1 km/ 1 dây
21.90	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 95 \text{mm}^2$	1,3313	1 km/ 1 dây
21.91	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 120 \text{mm}^2$	1,4064	1 km/ 1 dây
21.92	Lắp đặt cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 16 \text{mm}^2$ (cáp ABC $\leq 2 \times 16 \text{mm}^2$ )	1,016	1 km/ 1 dây
21.93	Tháo và lắp lại dây dẫn đồng xuống thiết bị, tiết diện $\leq 150 \text{mm}^2$ (cáp ABC $\leq 2 \times 16 \text{mm}^2$ )	30	1 mét
21.94	Lắp cách điện polymer néo đơn dây dẫn, chiều cao lắp đặt $\leq 20 \text{m}$ (điện áp $\leq 35 \text{kV}$ )	11	1 bộ cách điện
21.95	Lắp dây dẫn dọc cột bê tông, tổng tiết diện dây $\leq 16 \text{mm}^2$	523,5	1 mét
21.96	Lắp dây dẫn dọc cột bê tông, tổng tiết diện dây $\leq 120 \text{mm}^2$	25	1 mét
21.97	Lắp kẹp IPC các loại	2801	1 bộ
21.98	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 25 \text{mm}^2$	9	1 đầu cốt
21.99	Ép đầu cốt, tiết diện cáp $\leq 150 \text{mm}^2$	3	1 đầu cốt
21.100	Lắp hộp công tơ đã lắp các phụ kiện và công tơ (Hộp $\leq 2$ công tơ hoặc hộp 1CT 3 pha)	40	1 hộp
21.101	Lắp hộp công tơ đã lắp các phụ kiện và công tơ (Hộp $\leq 4$ công tơ hoặc hộp 2CT 3 pha)	77	1 hộp
21.102	Sơn báo hiệu cột điện. Sơn lại báo hiệu theo chiều cao cột $\leq 70 \text{m}$	90,6	m <sup>2</sup>
<b>22</b>	<b>Phần nhân công tháo thu hồi đường dây hạ thế sửa chữa</b>		
22.1	Tháo cách điện polymer néo đơn dây dẫn, chiều cao lắp đặt $\leq 20 \text{m}$ (điện áp $\leq 35 \text{kV}$ ) (vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)	29	1 bộ cách điện
22.2	Tháo dây néo cột, chiều cao lắp đặt $\leq 20 \text{m}$ (vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)	1	công/ bộ
22.3	Tháo hạ cột bê tông bằng cầu kết hợp thủ công, chiều cao cột $\leq 8,5 \text{m}$ (cắt gốc, vận dụng ĐM dự tháo của Bộ Công thương) (vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)	22	1 cột

<b>STT (1)</b>	<b>Mô tả công việc (2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo (3)</b>	<b>Đơn vị tính (4)</b>
22.4	Tháo hạ cột bê tông bằng cầu kết hợp thủ công, chiều cao cột $\leq 10,5\text{m}$ (cắt gốc, vận dụng ĐM dự thảo của Bộ Công thương) <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	1	1 cột
22.5	Tháo xà, coi thép trên cột đỡ, trọng lượng 50kg <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	4	1 bộ
22.6	Tháo hạ dây đồng trần (M) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 70\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	0,224	1 km/ 1 dây
22.7	Tháo hạ dây nhôm trần lõi thép (AC) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 70\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	3,3114	1 km/ 1 dây
22.8	Tháo hạ dây nhôm trần lõi thép (AC) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 95\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	0,2586	1 km/ 1 dây
22.9	Tháo hạ cáp vặn xoắn (ABC), loại cáp $\leq 4 \times 50\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	0,0455	1 km/ 1 dây
22.10	Tháo hạ dây nhôm bọc (AV) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 70\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	23,4165	1 km/ 1 dây
22.11	Tháo hạ dây nhôm bọc (AV) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 95\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	21,3572	1 km/ 1 dây
22.12	Tháo hạ dây nhôm bọc (AV) bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi), tiết diện $\leq 120\text{mm}^2$ <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	8,1915	1 km/ 1 dây
22.13	Tháo hạ dây dẫn đồng xuống thiết bị, tiết diện $\leq 95\text{mm}^2$ (đồng bọc) <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	189	1 mét
22.14	Tháo hệ thống tụ bù trên cột, cấp điện áp 0,4kV (1 MVar) <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	0,04	1 bộ (3 pha)
22.15	Tháo hệ thống tụ bù trên cột, cấp điện áp 0,4kV (1 MVar) <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	0,04	1 bộ (3 pha)
22.16	Tháo dây dẫn dọc cột bê tông, tổng tiết diện dây $\leq 16\text{mm}^2$ (Cáp điện ké muller) <b>(vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp)</b>	1081	1 mét

<b>STT (1)</b>	<b>Mô tả công việc (2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo (3)</b>	<b>Đơn vị tính (4)</b>
22.17	Tháo dây dẫn dọc cột bê tông, tổng tiết diện dây $\leq$ 120mm <sup>2</sup> (Cáp điện kế muller) ( <b>vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp</b> )	13	1 mét
22.18	Tháo potelet các loại ( <b>vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp</b> )	2	bộ
22.19	Tháo hộp công tơ đã lắp các phụ kiện và công tơ (Hộp $\leq$ 2 công tơ hoặc hộp 1CT 3 pha) ( <b>vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp</b> )	248	1 hộp
22.20	Tháo hộp công tơ đã lắp các phụ kiện và công tơ (Hộp $\leq$ 4 công tơ hoặc hộp 2CT 3 pha) ( <b>vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp</b> )	6	1 hộp
22.21	Tháo cầu chì cá trên trụ ( <b>vật tư thu hồi trả về kho Công ty Điện lực Đồng Tháp</b> )	1261	công/ bộ
<b>23</b>	<b>Phần nhân công tháo và lắp lại đường dây hạ thế sửa chữa</b>		
23.1	Tháo và lắp lại các loại cách điện hạ thế bằng thủ công. 4 cách điện các loại ( <b>Vật tư tháo gỡ sử dụng lại, nhà thầu chỉ chào giá nhân công</b> )	8	4 cách điện (nguyên bộ)
<b>24</b>	<b>Phần vật tư thu hồi trả kho PCĐT</b>		
24.1	Trụ BTV, BTLT 7,3m/7,5m (cắt gốc còn 4-5m)	5	trụ
24.2	Trụ BTLT 8,4m/8,5m (cắt gốc còn 5-6m)	17	trụ
24.3	Trụ BTLT/BTV 10,5m (cắt gốc còn 6-7m)	1	trụ
24.4	Bộ chằng xuống trụ 8,5m : CX8-B	1	Bộ
24.4.1	Bu lông móc 16x200	1	cái
24.4.2	Lông đèn vuông d18 (60x60x6)	1	cái
24.4.3	Sứ chằng hạ áp	1	cái
24.4.4	Kẹp cáp thép 3 Boulon cỡ dây TK35	4	cái
24.4.5	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-35	9	mét
24.4.6	Yếm cáp	2	cái
24.5	Bộ xà 1,2m đôi : XK-1,2m	1	Bộ
24.5.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-1,2m 2 ốp	2	cây
24.5.2	Thanh chống mạ kẽm L50x50x5-0,7m	2	cây
24.5.3	Bu lông 16x50	2	cái
24.5.4	Bu lông 16x250	2	cái
24.5.5	Bu lông 16x300VRS	1	cái
24.6	Bộ xà 2,4m đơn tháp đầu trụ : XD-2,4m	3	Bộ
24.6.1	Xà thép mạ kẽm L75x75x8-2,4m 4 ốp	1	cây
24.6.2	Bu lông 16x250	2	cái
24.7	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 50mm <sup>2</sup>	4.165	mét
24.8	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 70mm <sup>2</sup>	19.252	mét

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
24.9	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 95mm <sup>2</sup>	21.357	mét
24.10	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 120mm <sup>2</sup>	8.192	mét
24.11	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-50/8	1.748	mét
24.12	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-70/11	1.564	mét
24.13	Dây nhôm trần lõi thép [As/ACSR]-95/16	259	mét
24.14	Dây đồng trần xoắn [C] - 25mm <sup>2</sup>	224	mét
24.15	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 50mm <sup>2</sup>	20	mét
24.16	Dây đồng cách điện PVC hạ thế 0,6.1kV [CV] - 10mm <sup>2</sup>	132	mét
24.17	Cáp duplex ruột đồng cách điện PVC 0,6/1kV [DuCV] - 2x6mm <sup>2</sup>	37	mét
24.18	Cáp điện kế 2 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 2 x 6 mm <sup>2</sup>	1.081	mét
24.19	Cáp điện kế 4 ruột đồng (mu-le) cách điện PVC vỏ PVC 0,6/1kV [DK-CVV] - 3 x 25 +1x16 mm <sup>2</sup>	13	mét
24.20	Rack 4 sứ	431	cái
24.21	Rack 3 sứ	8	cái
24.22	Rack 2 sứ	4	cái
24.23	Uclevis	20	cái
24.24	Sứ ống chỉ	1.728	cái
24.25	Bu lông móc 16x200	2	cái
24.26	Kẹp cáp nhôm 2 bu lông cỡ 25-70mm <sup>2</sup>	198	cái
24.27	Kẹp cáp nhôm 3 bu lông cỡ 25-150mm <sup>2</sup>	1.305	cái
24.28	Kẹp đồng nhôm 2 bu lông cỡ 25-150mm <sup>2</sup>	55	cái
24.29	Kẹp treo cáp ABC 4x50-95mm <sup>2</sup>	1	cái
24.30	Kẹp ngừng cáp ABC 4x50-95mm <sup>2</sup>	2	cái
24.31	Sắt potelet (L50) 2 mét	1	cây
24.32	Sắt potelet (L63) 3 mét	1	cây
24.33	Cầu chì đuôi cá-sứ	1.261	cái
24.34	Kẹp quai 4/0	65	cái
24.35	Kẹp quai 2/0	914	cái
24.36	Ốc siết cáp Cu 2/0	13	cái
24.37	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35 mm <sup>2</sup>	102	cái
24.38	Sứ néo polymer 24kV-70kN	29	chuỗi
24.39	Khóa néo dây 50-70mm <sup>2</sup>	22	cái
24.40	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 01 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	155	bộ
24.41	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 02 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	68	bộ
24.42	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời (kèm theo 04 MCB32A, bass, dây đai + khóa đai)	6	bộ

STT (1)	Mô tả công việc (2)	Khối lượng tham khảo (3)	Đơn vị tính (4)
24.43	Thùng tole điện kế 3 pha	24	thùng
24.44	Thùng tole điện kế 1 pha-Emic	1	thùng
24.45	Tụ bù hạ áp 3P 40kVAr	1	cái
24.46	Tụ bù hạ áp 3P 10kVAr	4	cái
<b>25</b>	<b>Chi phí Khác</b>		
25.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	1	Khoán
25.2	Chi phí cho một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế như gồm: - Chi phí an toàn lao động; - Chi phí thử nghiệm các vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp; - Chi phí di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường; v..v - Nhà thầu tính toán cho công tác đấu nối bằng hotline (nếu có)	1	Khoán
25.3	Chi phí khác bao gồm các chi phí: Chi phí di chuyển bộ máy thi công và lực lượng lao động đến công trường, Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công, Chi phí phục vụ Công tác ngừng và cấp điện trở lại, thử điện, tiếp đất, bàn giao hiện trường phục vụ thi công, đóng điện công trình. Chi phí kho bãi phục vụ thi công và chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng công trình, Chi phí xin phép khoan cáp ngầm vượt, chi phí xin dựng trụ đường Quốc lộ, Tỉnh lộ.v...v;	1	Khoán

## VI. Chi phí phục vụ bàn giao hiện trường thi công công trình:

1. Đơn vị Quản lý vận hành lập dự toán chi phí thử điện, tiếp đất bàn giao hiện trường lưới điện gửi cho nhà thầu ký thỏa hiệp và thu phí (thu một lần trước khi thực hiện).

2. Nhà thầu căn cứ kế hoạch thi công và số lần cắt điện thi công ở **Mục II: Yêu cầu về tiến độ thực hiện**. của Chương này để tính toán nhân lực và thời gian đăng ký với đơn vị quản lý vận hành lưới điện.

### **Ghi chú:**

Các công tác có liên quan đến biện pháp tổ chức thi công, tổ chức công trường, thí nghiệm mẫu các loại... nhà thầu tính toán và đưa toàn bộ vào giá chào thầu.

Giá dự thầu: Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng mời thầu. Đơn giá dự thầu phải bao gồm các yếu tố cấu thành đơn giá dự thầu, chẳng hạn đơn giá dự thầu là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí xây lắp khác được phân bổ trong đơn giá dự thầu như xây bến bãi, nhà ở công

nhân, kho xưởng, điện, nước thi công, kể cả việc sửa chữa đèn bù đường có sẵn mà xe, thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra...

Những công việc đã được mô tả trong yêu cầu kỹ thuật và thiết kế mà không nêu đầy đủ trong bảng tiên lượng, những công việc mang tính chất phục vụ cho biện pháp thi công của nhà thầu (kể cả vật tư, phụ kiện khác) để thực hiện hoàn thành mỗi nội dung công việc trong tiên lượng, thì được hiểu là nhà thầu phải thực hiện và các chi phí này đã nằm trong giá dự thầu.

*[Trường hợp bảng tiên lượng mời thầu bao gồm các hạng mục về bố trí lán trại, chuyên quân, chuyển máy móc, thiết bị... thì nhà thầu không phải phân bổ các chi phí này vào trong các đơn giá dự thầu khác mà được chào cho từng hạng mục này].*

**Ngoài ra phần chi phí thí nghiệm vật liệu, cốt liệu (cát, đá, xi măng), cường độ thép, cường độ nén bê tông, đầm nén đất được thực hiện bởi đơn vị thử nghiệm độc lập do nhà thầu chịu.**